**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 22 - 02 - 2023
V/v "Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn và hợp đồng vay tài sản"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Văn Yên

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thế Phương

Bà Đinh Cẩm Đào

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:***

Bà Từ Thanh Thuỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 50/2022/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn và hợp đồng vay tài sản".

Do bản hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 95/2022/HNGĐ-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2023/QĐXX-PT ngày 10 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Phan Hoàng B, sinh năm 1959 *(Theo văn bản ngày 06/8/2020)* (có mặt)

Địa chỉ: Đường H, khóm 6A, phường 6B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 2, L, phường TC, quận B, Hà Nội.

2. Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 19659 (vắng mặt)

3. Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1988 (vắng mặt)

4. Ông Trần Văn T, sinh năm 1987 (vắng mặt)

5. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1992 (vắng mặt)

6. Bà Dương Thị Th, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm 3, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau.

7. Anh Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1980 (vắng mặt)

8. Chị Huỳnh Thị N, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Bà Phạm Thị H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Bà Phạm Thị H trình bày:* Bà kết hôn với ông S năm 2009, năm 2020 ly hôn nhưng chưa chia tài sản. Thời gian sống chung vợ chồng chuyển nhượng của anh Huỳnh Văn T phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích là 03 ha vào ngày 09/3/2019 với giá là 1.300.000.000 đồng, giá trị nhận khoán quyền sử dụng đất và giá trị thành quả lao động trên đất hiện tại bằng 1.700.000.000 đồng.

Thời gian chung sống bà đã đóng góp công sức cải tạo phần đất riêng riêng 4,5 ha của ông S bằng 132 tháng, giá trị công sức bằng 1.000.000 đồng/tháng.

Nay bà yêu cầu chia tài sản chung và buộc ông S trả công sức đóng góp của bà bằng 782.000.000 đồng.

Nợ chung: bà có cùng với ông S vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN chi nhánh N 50.000.000 đồng để cho em của ông S là ông Huỳnh Hữu Đức mượn, khoản nợ này bà đồng ý chịu ½ trách nhiệm thanh toán với ông S.

*Ông Huỳnh Văn S trình bày:* Ông quan hệ như vợ chồng với bà Phạm Thị H năm 2009, đến khoản năm 2013 đăng ký kết hôn nhưng bà H sống chung với mẹ ruột đến năm 2016 về cùng ông canh tác phần đất riêng của ông, đến năm 2020 thì vợ chồng ly hôn.

Trước khi kết hôn với bà H, ông có cho con riêng là ông Huỳnh Văn T một phần đất 03 ha. Đến ngày 09/3/2019 do T thiếu nợ vì không muốn sang cho người khác nên ông và bà H nhận mua lại với giá 1.300.000 đồng. để có tiền chuyển nhượng phần đất trên Huỳnh Văn T, ông và bà H thống nhất cố đất cho ông Nguyễn Hoàng L, bà Huỳnh Thị N với giá là 550.000.000 đồng, vay của ông Huỳnh Văn L là 750.000.000 đồng.

Nợ chung: Vợ chồng vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện N nhiều lần để trả nợ chi phí sinh hoạt với tổng số tiền là 200.000.000 đồng.

Nay ông thống nhất với bà H tính giá trị đất chuyển nhượng của ông Huỳnh Văn T bằng 1.700.000 đồng. Yêu cầu đối trừ các khoản nợ còn dư lại bao nhiêu thì chia đôi vơi bà H.

Phần công sức đóng góp bà H đặt ra là có nhưng không tạo được giá trị gì nên không chấp nhận trả theo yêu cầu của bà H.

*Ông Huỳnh Văn L trình bày*: Ngày 19/4/2018 ông có cho vợ chồng ông S và bà H vay 750.000.000 đồng, thời hạn 02 năm, ông S là anh ruột của ông hỏi vay để cải tạo vuông. Khi vay tiền có của ông Huỳnh Văn T làm chứng, có bà H tham gia nhưng không ký tên, bà H cho rằng phần đất này là của ông S nên ông S ký tên hiện nay thời hạn vay đã hết. Nay yêu cầu ông S, bà H thanh toán khoản nợ vay bằng 750.000.000 đồng.

*Bà Huỳnh Thị N và ông Nguyễn Hoàng L trình bày:* Ngày 09/3/2019 ông bà có nhận cầm cố của ông S, bà H phần đất 03 ha với giá 550.000.000 đồng, thời hạn 03 năm. Việc cố đất có làm văn bản thỏa thuận do ông L, ông S, ông T ký tên. Bà H có mặt nhưng không ký vào văn bản thỏa thuận cố đất. Nay yêu cầu hủy hợp đồng cầm cố đất và buộc ông S, bà H thanh toán số tiền 550.000.000 đồng.

Quá trình chuẩn bị xét xử ông S đã trả cho ông, bà 550.000.000 đồng nên ông, bà rút lại yêu cầu trên.

*Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN trình bày:*

Ngày 17/8/2020 Ngân hàng có cho hộ ông Huỳnh Văn S vay 200.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 16/8/2021. Hình thức vay tính chấp sổ hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp thửa số 16, tiểu khu 173, diện tích 76.497,5$m^2$ tại khóm 3, thị trấn R, huyện N. Do ông S đại diện hộ gia đình đứng tên vay vốn. Hiện khoản vay trên chưa đến hạn thanh toán, Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết, sau này nếu cần Ngân hàng khởi kiện bằng vụ án khác.

*Bà Dương Thị T trình bày:* Ngày 25/01/2022 âm lịch bà có cố phần đất của ông S với số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn 03 năm. Bà đã nhận đất sử dụng, giao cho ông S 400.000.000 đồng. Việc cố đất có làm văn bản, có ông Giả là cha của ông S, ông Huỳnh Hữu Đức là em ruột ông S, ông Huỳnh Văn T là con ruột ông S chứng kiến. Phần đất trên hiện bà đang nuôi tôm, sò giống. Nay bà yêu cầu nếu giữ nguyên phần đất cho ông S thì bà yêu cầu ông S tiếp tục thực hiện hợp đồng. Nếu giao đất cho bà H thì ông S có trách nhiệm trả lại bà 400.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại đối với tôm, sò giống cho bà.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 95/2022/HNGĐ-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện N đã quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Phạm Thị H về yêu cầu ông Huỳnh Văn S thanh toán 850.000.000 đồng, buộc ông Huỳnh Văn S phải thanh toán cho bà Phạm Thị H với số tiền 575.000.000 đồng (đã đối trừ 275.000.000 đồng nợ của ông S đã trả cho ông L).

Ông Huỳnh Văn S được tiếp tục quản lý đất có diện tích 35.184$m^2$ và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại khóm 3, thị trấn R, huyện N (vị trí thửa đất có sơ đồ đo đạt kèm theo).

- Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Phạm Thị H yêu cầu ông Huỳnh Văn S thanh toán 132.000.000 đồng tiền công sức đóng góp.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Huỳnh Văn L về yêu cầu ông Huỳnh Văn S và bà Phạm Thị H thanh toán số tiền 750.000.000 đồng. Buộc ông Huỳnh Văn S phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Huỳnh Văn L số tiền 375.000.000 đồng. Buộc bà Phạm Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Huỳnh Văn L số tiền 375.000.000 đồng.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy hợp đồng cầm cố và xử lý hậu quả của ông Nguyễn Hoàng L.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, lãi suất chậm thi hành, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 12/10/2022 bà H kháng cáo, yêu cầu xác định khoản nợ vay của ông L, khoản tiền cố đất cho ông L, bà không tham gia, không hưởng L trong các giao dịch này. Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia đôi giá trị thành quả lao động trên phần đất 34.297,1m$^2$ với số tiền 850.000.000 đồng; buộc ông S trả cho bà tiền công sức đóng góp, cải tạo, đầu tư trên 04 phần đất riêng của ông S với số tiền 132.000.000 đồng, nợ ông S vay tự chịu trách nhiệm thanh toán.

Tại phiên toà, nguyên đơn bảo lưu kháng cáo. Căn cứ kháng cáo đương sự lần lượt trình bày như sau: Trình bày của ông S mâu thuẫn giữa thời gian vay tiền và chuyển nhượng đất; Hợp đồng cố đất tự tạo như đương sự xác định lập tại Ủy ban ngày 09/3/2019 là ngày thứ bảy, uỷ ban không làm việc; Hợp đồng vay tiền để mua đất lập ngày 19/4/2018 là cách thời gian nhận chuyển nhượng trên 10 tháng. Việc ông S lập các giao dịch khống trên là do anh em, cha con ông S thực hiện để đối trừ nghĩa vụ hoàn lại giá trị tài sản chung cho bà H. Yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận khởi kiện của bà.

- Ông S không chấp nhận căn cứ kháng cáo do bà H trình bày.

Quan điểm của Viện kiểm sát tỉnh Cà Mau: Hai khoản nợ ông L, ông L ông S giải trình mâu thuẫn, chứng tỏ bà H không tham gia. Đề nghị áp dụng khoản 2 điều 308 BLTTDS chấp nhận một phần kháng cáo của bà H, sửa án sơ thẩm theo hướng buộc ông S thanh toán nợ cho ông L, ông L. Bà H không có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ này. Các phần còn lại của án sơ thẩm giữ nguyên.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bà H trong hạn luật định, hợp pháp, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà H:

Bà H và ông S được Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xử cho ly hôn theo Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số: 24/2020/HNGĐ-PT ngày 24/6/2020, theo đó phần tài sản đương sự tự thoả thuận. Sau khi ly hôn hai bên không thoả thuận được nên bà H yêu cầu chia tài sản chung.

Theo bà H, ông S và bà có tài sản chung là phần đất có diện tích thực tế bằng 35.184m$^2$, giá trị thành quả lao động hiện tại là 1.700.000 đồng, nguồn gốc là chuyển nhượng từ ông T, hiện hai bên thống nhất giá trị thực tế bằng

1.700.000.000 đồng. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà H buộc ông S thanh toán ½ giá trị thành quả lao động trên đất với số tiền 850.000.000 đồng là có căn cứ.

Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập người có quyền L liên quan và yêu cầu của ông S, buộc ông S và bà H cùng thanh toán nợ cho ông L. Phần nợ ông L do ông S đã thanh toán xong nên đối trừ buộc bà H hoàn lại ½ giá trị cho ông S.

Thấy rằng:

- Đối với khoản nợ vay của ông Huỳnh Văn L là 750.000.000 đồng ông S khai giao dịch ngày 19/4/2018. Bà H không thừa nhận biết, hưởng L trong giao dịch này.

Xét về chứng cứ: Ông S cho rằng khi vay có bà H chứng kiến nhưng không ký tên, mục đích vay để thanh toán tiền chuyển nhượng đất của ông T. Cùng sự kiện này lần giải trình khác ông S xác định vay để cải tạo vuông - một sự kiện nhưng đương sự khai mâu thuẫn. Việc lập, ký biên nhận nợ bản thân ông L, ông S hiểu rõ nó có ý nghĩa là căn cứ xác định quyền và nghĩa vụ của mỗi bên khi tiến hành hợp đồng vay, tránh tranh chấp sau này. Nếu vay để phục vụ cho L ích gia đình của bà H và ông S, khi thực hiện giao dịch có mặt bà H lại không để bà H ký tên người cho vay có quyền khước từ giao tiền.

Cũng giao dịch này ông S cho rằng vay để thanh toán tiền nhượng đất nhưng thực tế vay trước khi thực hiện chuyển nhượng đất 10 tháng 20 ngày.

Với chứng cứ trên chứng tỏ bà H xác định không biết, không hưởng L từ giao dịch này là đúng.

Tương tự, hợp đồng cố đất cho bà Huỳnh Thị N và ông Nguyễn Hoàng L với giá trị 550.000.000 đồng. Hợp đồng này ông S xác định bà H có tham gia nhưng không ký tên. Khai nhận này nếu đúng chứng tỏ bà H không chấp nhận giao dịch. Đất vào thời điểm ngày 09/3/2019 bà H và ông S đã nhận chuyển nhượng của ông T nhưng chính ông S và ông T ký cố đất là không phù hợp với tư cách chủ thể có quyền giao dịch. Chứng tỏ tiền cầm cố đất 550.000.000 đồng nếu có là do ông S, ông T tự thực hiện vì L ích riêng, nên án sơ thẩm buộc bà H chịu trách nhiệm cùng ông S thanh toán khoản nợ này là không đúng. Do ông S đã thanh toán xong, bà Huỳnh Thị N và ông Nguyễn Hoàng L đã rút yêu cầu độc lập nên không xem xét trách nhiệm của ông S về khoản nợ này.

Đối với tiền công sức đóng góp: Bà H thừa nhận đã lao động, tích luỹ để cùng ông S nhận chuyển nhượng đất của ông T nên đóng góp của bà H là có và đã hưởng L từ khoản tích luỹ mua đất nêu trên, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của bà H là có căn cứ.

Từ các căn cứ như đã nêu trên, không chấp nhận kháng cáo của bà H yêu cầu ông S thanh toán thành quả lao động. Chấp nhận phần kháng cáo của bà H về việc buộc ông S thanh toán cho ông L 750.000.000 đồng và tự chịu trách thanh toán nợ cho ông L, bà N.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

[3] Chí phí đo đạt, thẩm định giá bà H, ông S chịu là 47.663.000 đồng, bà H đã nộp xong, ông S có nghĩa thanh toán lại cho bà H số tiền 23.832.000 đồng.

[4] Về án phí: ông Huỳnh Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chia tài sản bằng 37.500.000 đồng, án phí dân sự thanh toán nợ 34.000.000 đồng.

Bà H phải chịu án phí chia tài sản bằng 37.500.000 đồng, án phí không được chấp nhận yêu cầu bằng 6.600.000 đồng; có dự nộp tạm ứng án phí được đối trừ.

Bà H không phải chịu án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phạm Thị H. Sửa bản hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 95/2022/HNGĐ-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Phạm Thị H.

- Buộc ông Huỳnh Văn S thanh toán cho bà Phạm Thị H 850.000.000 đồng giá trị quyền sử dụng đất nhận khoán và thành quả lao động trên đất thuộc tài sản chung của ông S và bà H.

Ông Huỳnh Văn S được tiếp tục quản lý đất có diện tích 35.184m$^2$ và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại khóm 3, thị trấn R, huyện N (vị trí thửa đất có sơ đồ đo đạt kèm theo).

- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Huỳnh Văn S thanh toán thanh toán cho bà H 132.000.000 đồng tiền công sức đóng góp.

- Buộc ông Huỳnh Văn S thanh toán cho ông Huỳnh Văn L nợ vay bằng 750.000.000 đồng.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy hợp đồng cầm cố đất của ông Nguyễn Hoàng L, bà Huỳnh Thị N.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm trả khoản tiền theo nghĩa vụ còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Buộc ông Huỳnh Văn S phải thanh toán cho bà Phạm Thị H chi phí đo đạc và định giá bằng 23.832.000 đồng (tính tròn số).

- Về án phí sơ thẩm:

Ông Huỳnh Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản bằng 37.500.000 đồng và án phí dân sự thanh toán nợ bằng 34.000.000 đồng

Bà H phải chịu án phí chia tài sản bằng 37.500.000 đồng và án phí dân sự không được chấp nhận yêu cầu bằng 6.600.000 đồng. Bà H đã nộp 11.640.000 đồng theo lai thu số 0006278 ngày 21/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được đối trừ, bà H tiếp tục nộp 32.460.000 đồng.

Ông Huỳnh Văn L dự nộp án phí 18.750.000 đồng theo biên lai thu số 0006488 ngày 17/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được nhận lại.

Ông Nguyễn Hoàng L dự nộp số tiền 13.750.000 đồng theo biên lai thu số 0006487 ngày 27/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được nhận lại.

- Về án phí phúc thẩm: Bà Phạm Thị H không phải chịu, ngày 12/10/2022 bà H có dự  nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0020196 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được nhận lại.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Văn Yên**

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Văn Yên**